TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14- 7 -2022
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Châu Giang;
2. Bà Nguyễn Hoàng Liên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 - 5-2022 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị O, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2022 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị O trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 04 năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, chị và anh T chuyển về sinh sống tại thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi cọ, bất đồng quan điểm sống. Nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung, Phạm Hoàng Ngọc T, sinh ngày 06/6/2012 và Phạm Thu H, sinh ngày 10/9/2017. Ly hôn chị O có nguyện

vọng để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Phạm Văn T nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Biên bản xác minh ngày 31 tháng 5 năm 2022 (bút lục số 39) trưởng thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, cho biết: "Chị Hoàng Thị O và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Yên Bái vào năm 2012, sau khi kết hôn chị O và anh T sinh sống tại thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Qua nắm bắt tình hình tại thôn thì tôi được biết trong cuộc sống vợ chồng chị O và anh T có xảy ra xô xát, cãi cọ. Chị O yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị O và anh T có 02 con chung, Phạm Hoàng Ngọc T, sinh ngày 06/6/2012 và Phạm Thu H, sinh ngày 10/9/2017. Về tài sản chung, nợ chung: Chị O và anh T có hay không tôi không rõ. Nay chị O xin ly hôn anh T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật".

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 6 năm 2022, anh Phạm Văn T trình bày: "Tôi và chị Hoàng Thị O trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 25 tháng 04 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái sinh sống, vợ chồng chung sống thi thoảng có xảy ra bất đồng và mâu thuẫn nhỏ. Nay chị O xin ly hôn tôi, tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn; Về con chung: Tôi và chị O có 02 con chung, Phạm Hoàng Ngọc T, sinh ngày 06/6/2012 và Phạm Thu H, sinh ngày 10/9/2017. Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết. Toà án đưa vụ án ra xét xử tôi đề nghị xét xử vắng mặt tôi".

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Hoàng Thị O được ly hôn anh Phạm Văn T; về con chung: Giao hai con chung Phạm Hoàng Ngọc T, sinh ngày 06/6/2012 và Phạm Thu H, sinh ngày 10/ 9/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị O có quyền thăm nom đối với con chung, không ai được ngăn cản; Về tài sản chung, nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Ophải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị O có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị và anh Phạm Văn T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Phạm Văn T là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị O và anh Phạm Văn T trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 4 năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị O và anh Phạm Van T là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị O và anh T tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Tại biên bản lấy lời khai anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý lý hôn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh T nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được, chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được mâu thuẫn và cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị O và anh T làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị O là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị O.

[4] Về con chung: Chị O và anh T có 02 con chung, Phạm Hoàng Ngọc T, sinh ngày 06/6/2012 và Phạm Thu H, sinh ngày 10/9/2017. Ly hôn chị O có nguyện vọng để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, và anh T cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Cháu T và cháu H hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cháu T và cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T muốn được ở cùng anh T. Do đó,

để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung là Phạm Hoàng Ngọc T, sinh ngày 06/6/2012 và Phạm Thu H, sinh ngày 10/9/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị O là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản1 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị O được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng Ngọc T, sinh ngày 06/6/2012 và Phạm Thu H, sinh ngày 10/ 9/2017 cho anh Phạm Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T, cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Hoàng Thị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị O đã nộp theo biên lai số AA/2021/ 0002826 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Hoàng Thị O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Thi hành án DS huyện Văn Yên;
- UBND xã Đ;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương